TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2024
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lành Văn Huế

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Cường Thịnh

Ông Hoàng Văn Thủy

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Hà Lan Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị N, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và Vũ Văn T kết ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn hai anh chị có được tự do tìm hiểu yêu nhau và được hai bên gia đình tổ

chức lễ cưới theo phong tục địa phương, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 01 người con chung. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, đến đầu năm 2017 vợ chồng bắt đầu sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vũ Văn T nghiện ma túy, không chăm lo đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã nhau, thậm chí còn đánh đập chị Dương Thị N và lấy tài sản trong gia đình đi bán lấy tiền về sử dụng ma túy, đến đầu năm 2018 chị Dương Thị N về bên ngoại sống ly thân và đến tháng 6/2019 anh Vũ Văn T bị Công an huyện B bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xét xử 08 năm tù giam về tồi mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay anh Vũ Văn T đang chấp hành án tại Trại giam P, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chị Dương Thị N và anh Vũ Văn T sảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ đầu năm 2018, nay chị Dương Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Dương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Có 01 người con tên là Vũ Thị T1, sinh ngày 15/4/2012, nay con đang ở với chị Dương Thị N. Khi ly hôn chị Dương Thị N yêu cầu được nuôi con đến tuổi trưởng thành, chị Dương Thị N không yêu cầu anh Dương Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T kết hôn với chị Dương Thị N vào ngày 07/11/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn và được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, Sau khi kết hôn có chồng sống tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến ngày 20/6/2019 anh Vũ Văn T bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xử phạt 08 năm tù. Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 43, phân trại số C, Trại giam P. Trước khi bị bắt khoảng tháng thì anh Vũ Văn T có sử dụng ma túy, chị Dương Thị N có biết và khuyên bảo, tuy nhiên do anh Vũ Văn T ham chơi nên đã vi phạm pháp luật. Kể từ ngày anh Vũ Văn T chấp hành án tại Trại giam P chị Dương Thị N chưa đến thăm gặp hay gửi quà cho Vũ Văn T lần nào. Nay anh Vũ Văn T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Dương Thị N làm đơn xin ly hôn thì anh Vũ Văn T không nhất trí ly hôn với chị Dương Thị N.

Về con chung: Có 01 người con tên là Vũ Thị T1, sinh ngày 15/4/2012, nay con đang ở với chị Dương Thị N. Nếu phải ly hôn anh Vũ Văn T yêu cầu chị Dương Thị N trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, anh Vũ Văn T không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam P.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vũ Thị T1 trình bày: Khi bố mẹ ly hôn cháu Vũ Thị T1 có nguyện vọng là muốn được ở với mẹ là chị Dương Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án. Tuy nhiên tại phiên hòa giải chị Dương Thị N và anh Vũ Văn T không thỏa thuận được với nhau và tại phiên tòa chị Dương Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị N đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt là do đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam P và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên vẫn đảm bảo quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Vũ Thị T1, sinh ngày 15/4/2012 cho chị Dương Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Nội dung kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập phiên tòa hợp lệ tại ngày 24/7/2023 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt

đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của anh Vũ Văn T không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Dương Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Văn T cư trú tại Thôn N, xã L, huyện B. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Thị N và anh Vũ Văn T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau. Nguyên nhân do anh Vũ Văn T chơi bời, nghiện ma túy bán hết tài sản trong gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đến đầu năm 2018 vợ chồng sảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên chị Dương Thị N đã về nhà ngoại ở và sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi sống ly thân đến tháng 6 năm 2019 thì anh Vũ Văn T bị Công an huyện B bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xử phạt 08 năm tù về tội mua bán trái pháp chất ma túy, hiện nay anh Vũ Văn T đang chấp hành án tại Trại giam P, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng vẫn không cải thiện được. Từ khi sống ly thân chị Dương Thị N và anh Vũ Văn T đều thừa nhận không còn quan tâm đến nhau, chị Dương Thị N chưa đến Trại giam thăm gặp lần nào. Hiện nay chị Dương Thị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Vũ Văn T nữa và yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn T. Quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Văn T cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Dương Thị N, anh Vũ Văn T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Dương Thị N, anh Vũ Văn T yêu cầu được đoàn tụ gia đình, sau cải tạo về để cùng nhau nuôi dạy con. Mặc dù anh Vũ Văn T yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng sau ly thân anh Vũ Văn T vẫn chưa cảnh tỉnh vun vén gia đình mà lại tiếp tục sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy nên đã bị Công an bắt quả tang và bị Tòa án xử phạt 08 năm tù giam. Qua xác minh trưởng thôn Nà R, xã L, huyện B và xác minh anh Hoàng Quang Đ là anh trai ruột anh Vũ Văn T đều khẳng định anh Vũ Văn T và chị Dương Thị N sau kết hôn vợ chồng sống tại Thôn N, xã L, quá trình chung sống thấy vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vũ Văn T sử dụng ma túy. Đến khoảng năm 2018 chị Dương Thị N bỏ về nhà ngoại sống và năm 2019 anh Vũ Văn T bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 08 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy, từ đó chị Dương Thị N không về sống và sinh hoạt tại thôn N, xã L nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dương Thị N và anh Vũ Văn T đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị N là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Vũ Văn T có 01 con chung tên là Vũ Thị T1, sinh ngày 15/4/2012, hiện đang ở với chị Dương Thị N, khi ly hôn chị Dương Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Thị T1 và không yêu cầu anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện thực tế của chị Dương Thị N là đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục cháu Vũ Thị T1 và tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải anh Vũ Văn T cũng đồng ý nếu phải ly hôn thì giao con cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam, tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, giao cháu Vũ Thị T1 cho chị Dương Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của cháu Vũ Thị T1 và chị Dương Thị N. Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con là do chị Dương Thị N không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị N và anh Vũ Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị T1, sinh ngày 15/4/2012 cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Văn T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị N đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004019, ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã M, huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lành Văn Huế